TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2017/DS-PT
Ngày: 14-8-2017
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Đồng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Son; bà Lê Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Phu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 tháng 3 và 14 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 364/2016/TLPT-DS ngày 12 tháng 12 năm 2016, về "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 90/2016/DS-ST ngày 03 tháng 10 năm 2016, của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 14/2017/QĐ-PT ngày 09 tháng 02 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Hữu D, sinh năm 1952; cư trú tại: Ấp T.T, xã T.H, huyện T.C, tỉnh Tây Ninh; có mặt;

- *Bị đơn:*

1. Bà Đào Thị C, sinh năm 1936; cư trú tại: Ấp T.X, xã T.P, huyện T.C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C: Ông Trần Quốc T, sinh năm 1963; cư trú tại: Ấp T.X, xã T.P, huyện T.C, tỉnh Tây Ninh, theo văn bản ủy quyền ngày 03-4-2017; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà C: Luật sư Lê Thị Kiều D, của Văn phòng Luật sư Nguyễn Duy H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh; có mặt;

2. Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1936, đã chết; Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đ gồm:

+ Bà Trần Ngọc L, sinh năm 1960; cư trú tại: Ấp T.X, xã T.P, huyện T.C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

+ Ông Trần Quốc T, sinh năm 1963; cư trú tại: Ấp T.X, xã T.P, huyện T.C, tỉnh Tây Ninh; có mặt;

+ Bà Trần Ngọc D, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp T.X, xã T.P, huyện T.C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

+ Ông Trần Quốc B, sinh năm 1974; cư trú tại: Ấp T.X, xã T.P, huyện T.C, tỉnh Tây Ninh; có mặt;

+ Ông Trần Quốc K, sinh năm 1979; cư trú tại: Ấp T.X, xã T.P, huyện T.C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

+ Ông Trần Quốc H, sinh năm 1982; cư trú tại: Ấp T.X, xã T.P, huyện T.C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

+ Ông Trần Quốc C, sinh năm 1984; cư trú tại: Ấp T.X, xã T.P, huyện T.C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

+ Ông Trần Quốc B1, (đã chết).

Người đại diện theo ủy quyền của ông K, ông H, ông C, bà D, bà L: Ông Trần Quốc T, sinh năm 1963; cư trú tại: Ấp T.X, xã T.P, huyện T.C, tỉnh Tây Ninh, theo văn bản ủy quyền ngày 20- 02-2010 và ngày 03-4-2017;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Cao Thị R, sinh năm 1955; cư trú tại: Ấp T.T, xã T.H, huyện T.C, tỉnh Tây Ninh; có mặt;

2. Bà Lê Thị Tuyết M, sinh năm 1968; cư trú tại: Ấp T.X, xã T.P, huyện T.C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

3. Chị Trần Ngọc H, sinh năm 1992; cư trú tại: Ấp T.X, xã T.P, huyện T.C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

4. Chị Trần Thị Kim T, sinh năm 1994; cư trú tại: Ấp T.X, xã T.P, huyện T.C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

5. Chị Trần Ngọc Thoại M, sinh năm 1996; cư trú tại: Ấp T.X, xã T.P, huyện T.C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

6. Cháu Trần Quốc H1, sinh năm 2008; cư trú tại: Ấp T.X, xã T.P, huyện T.C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

Người đại diện theo pháp luật của cháu H1: Bà Lê Thị Tuyết M, sinh năm 1968; cư trú tại: Ấp T.X, xã T.P, huyện T.C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:*

+ Ông Trần Hữu D là nguyên đơn;

+ Bà Đào Thị C là bị đơn;

+ Ông Trần Quốc T, ông Trần Quốc K, ông Trần Quốc H, bà Trần Ngọc L, bà Trần Ngọc D, ông Trần Quốc C, ông Trần Quốc B là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Trần Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn - ông Trần Hữu D trình bày:

Vào ngày 01-4-2002, ông có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Hoanh diện tích đất 1.500 m^2, tọa lạc ấp T.Đ, xã T.H, huyện T.C, tỉnh Tây Ninh, khi chuyển nhượng có viết giấy tay nhưng đã bị mất. Ông và ông Hoanh đã làm thủ tục sang tên, ông được Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 04118 ngày 16-8-2002, diện tích 1.500 m^2, thửa 1386, tờ bản đồ số 2A.

Sau khi nhận chuyển nhượng, ông trực tiếp sử dụng đất, đến năm 2007 phát hiện ông Trần Văn Đ là chồng của bà Đào Thị C lấn chiếm đất của ông để móc mương, đắp đường đi vào đất của vợ chồng bà C nên ông đã khởi kiện từ năm 2008.

Trong khi vụ án chưa giải quyết xong thì vào năm 2011, Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu tự cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông thành Giấy chứng nhận số: CH30298 ngày 07-12-2011, diện tích giảm còn 1.341 m^2, thửa số 01, tờ bản đồ số 15.

Diện tích đất bị lấn chiếm là ngang 4,7 m x dài 43 m. Trên đất có trồng 10 bụi trúc, 02 cây tràm, 02 bụi chuối nhưng trúc và chuối đã bị móc gốc.

Ông Đ đã chết, ông kiện yêu cầu bà C và các con bà C phải trả diện tích đất đã lấn chiếm và bồi thường tiền san lấp mương, giá trị cây bị thiệt hại là 28.272.000 đồng.

Ông Trần Quốc T là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đ và cũng là người đại diện theo ủy quyền của bà Đào Thị C, bà Trần Ngọc L, bà Trần Ngọc D, ông Trần Quốc K, ông Trần Quốc H, ông Trần Quốc C trình bày:

Năm 1979, cha ông là Trần Văn Đ, mẹ là Đào Thị C nhận chuyển nhượng của ông Lại Bá Triệu khoảng 15.000 m^2 đất gần phần đất của ông D hiện nay để làm lò đường.

Do không có lối đi ra vào lò đường nên vào tháng 02 năm 1980, ông Đ mua của ông Triệu phần đất ngang 08 m, dài từ mặt lộ đến đất của ông Đ để làm lối đi. Ông không biết khi mua, đất có giấy chứng nhận chưa, thủ tục thế nào nhưng đến nay gia đình ông vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hiện trạng đất khi mua của ông Triệu là đất ruộng, ông Đ móc mương đắp thành lối đi, lúc đầu thuê anh em ông Mù và ông Tám Thơ, sau đó thuê móc bằng máy, về sau cứ bồi đắp dần thành lối đi khoảng 04 m và cái mương kế bên khoảng 04 m từ năm 1980 đến nay, không liên quan đến đất ông D, ông D khai móc mương làm thiệt hại trúc và chuối là không có.

Năm 2002, ông D mua đất của ông Hoanh, ông D và gia đình ông đã thống nhất cắm ranh là trụ cây lục, ranh đất từ năm 2002 đến nay vẫn còn, không có việc ông Đ, bà C lấn chiếm đất của ông D.

Ông D kiện đòi đất là không có căn cứ, khi đi kiện ông D cũng không biết đất mình chiều ngang bao nhiêu, thực tế đất ông D sử dụng có chiều ngang mặt tiền lớn hơn chiều ngang theo giấy chứng nhận được cấp.

Vì vậy, bà C không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D.

Ông Đ đã chết vào ngày 03-9-2008, các con của ông Đ và bà C gồm: Trần Ngọc L, Trần Ngọc D, Trần Quốc K, Trần Quốc H, Trần Quốc C, Trần Quốc B, Trần Quốc B1 và ông là Trần Quốc T đều thống nhất theo ý kiến của bà C, mọi vấn đề do bà C quyết định.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn Trần Văn Đ - ông Trần Quốc B trình bày: Ông là em ruột của ông T, ông thống nhất theo ý kiến của ông T, mọi vấn đề liên quan đến đất tranh chấp do ông T quyết định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Cao Thị R trình bày: Bà là vợ của ông D, thống nhất theo yêu cầu của ông D.

Bản án Dân sự sơ thẩm số: 45/2009/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2009, của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đòi quyền sử dụng đất của ông Trần Hữu D đối với ông Trần Văn Đ.

Buộc ông Trần Văn Đ và bà Đào Thị C có nghĩa vụ trả lại cho ông Trần Hữu D 01 phần đất diện tích 1,6 m x 43,4 m = 69,44 m^2, có tứ cận: Đông giáp đất ông K

dài 1,6 m; Tây giáp đường 785 dài 1,6 m; Nam giáp đất ông D dài 43,4 m; Bắc giáp đường xe bò dài 43,4 m.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông T đại diện cho bà C kháng cáo không chấp nhận giao đất, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu kháng nghị, đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm số: 315/2009/DS-PT ngày 29 tháng 9 năm 2009, của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh quyết định:

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh; chấp nhận kháng cáo của ông Trần Quốc T.

Hủy Bản án sơ thẩm số: 45/2009/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2009, của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu với lý do: Ông Trần Văn Đ đã chết nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa những người con của ông Đ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mà buộc ông Đ phải trả đất là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; tứ cận đất tranh chấp trong biên bản nghị án và bản án ghi không giống nhau.

Khi thụ lý giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm thì một người con của ông Đ, bà C là ông Trần Quốc B1 chết. Tòa án cấp sơ thẩm đưa vợ ông B1 là bà Lê Thị Tuyết M và các con ông B1 là Trần Ngọc H, Trần Thị Kim T, Trần Ngọc Thoại M và Trần Quốc H1 tham gia tố tụng: Bà M và các con bà M không yêu cầu gì, không tranh chấp gì trong vụ án này, mọi vấn đề giao bà C, ông T quyết định.

Đất và tài sản trên đất tranh chấp qua thẩm định như sau:

Đất diện tích 172,6 m^2, tứ cận: Đông giáp đất Trần Quốc K dài 4,08 m; Tây giáp đường 785 dài 3,97 m (mặt tiền); Nam giáp đất ông D dài 42,86 m; Bắc giáp đường hẻm dài 42,89 m, chưa xác định được số thửa. Trị giá 35.000.000 đồng/m ngang mặt tiền.

Trên đất có mương 235,6 m^3, định giá tiền chi phí san lấp là 25.000.000 đồng, 02 cây tràm trị giá 80.000 đồng.

Cây không có trên đất nhưng định giá theo lời khai của ông D gồm: 10 bụi trúc trị giá 300.000 đồng; 02 bụi chuối trị giá 120.000 đồng.

Bản án sơ thẩm số: 90/2016/DS-ST ngày 03 tháng 10 năm 2016, của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu D đối với bà Đào Thị C và ông Trần Văn Đ (đã chết).

- Buộc bà Đào Thị C, bà Trần Ngọc L, ông Trần Quốc T, bà Trần Ngọc D, ông Trần Quốc B, ông Trần Quốc K, ông Trần Quốc H, ông Trần Quốc C, bà Lê

Thị Tuyết M, chị Trần Ngọc H, chị Trần Thị Kim T, chị Trần Ngọc Thoại M, cháu Trần Quốc H1 (do bà Lê Thị Tuyết M đại diện hợp pháp) trả cho ông Trần Hữu D, bà Cao Thị R diện tích đất có tứ cận: Đông giáp thửa số 02 dài 1,62 m; Tây giáp đường 785 dài 1,56 m; Nam giáp đất ông D dài 42,86 m; Bắc giáp đất bà C dài 42,86 m. Diện tích 68,1 m^2, trị giá 56.727.000 đồng. Đất thuộc thửa số 01, tờ bản đồ số 15 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH 30298, Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu cấp ngày 07-12-2011, do ông Trần Hữu D đứng tên, tọa lạc ấp T.X, xã T.P, huyện T.C, tỉnh Tây Ninh.

- Buộc bên bà C bồi thường cho ông Trần Hữu D, bà Cao Thị R số tiền san lấp mặt bằng 15.528.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu D đòi diện tích đất 133,73 m^2, có hướng Đông dài 3,08 m, hướng Tây dài 3,14 m, hướng Nam dài 43 m, hướng Bắc dài 43 m.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí; chi phí thẩm định, định giá.

Ngày 14-10-2016, bà Đào Thị C là bị đơn; ông Trần Quốc T, ông Trần Quốc K, ông Trần Quốc H, bà Trần Ngọc L, bà Trần Ngọc D, ông Trần Quốc C, ông Trần Quốc B là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn Trần Văn Đ kháng cáo, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu D.

Ngày 8-11-2016, ông Trần Hữu D là nguyên đơn kháng cáo, yêu cầu bà C và các con bà C phải trả đủ diện tích đất ông đã khởi kiện và bồi thường thiệt hại tiền san lấp mương, tiền cây trên đất bị phá bỏ là 28.272.000 đồng, bồi thường thiệt hại do ông không được sử dụng phần đất tranh chấp trong thời gian từ năm 2008 đến nay.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; trong quá trình tham gia tố tụng các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ đất tranh chấp thuộc thửa nào, có nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông D không mà chỉ dựa vào diện tích đất ông D thiếu so với diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để buộc bị đơn trả đất là không đủ căn cứ. Tòa án cấp phúc thẩm đã tạm ngừng phiên tòa để thẩm định lại và thu thập thêm chứng cứ nhưng việc thẩm định không thực hiện được nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Ông Đ chết vào ngày 03 tháng 9 năm 2008, vụ án được thụ lý sơ thẩm vào ngày 22 tháng 10 năm 2008, đáng lẽ Tòa án phải xác định bà C là bị đơn, các con ông Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng lại xác định ông Đ là bị đơn là đưa người đã chết vào tham gia tố tụng, sai sót này đã được nêu trong Bản án phúc thẩm số: 315/2009/DS-PT ngày 29 tháng 9 năm 2009, của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh nhưng khi thụ lý lại, Tòa án cấp sơ thẩm không khắc phục, dẫn đến việc xác định sai tư cách tố tụng của đương sự.

Trong số những người con của ông Đ có ông Trần Quốc B1 chết vào năm 2014, trong khi vụ án đang được giải quyết, đáng lẽ Tòa án cấp sơ thẩm phải đưa vợ và các con ông B1 tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông B1 theo quy định tại khoản 1 Điều 62 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2005, được sửa đổi bổ sung năm 2011 nhưng lại xác định họ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định ngày chết của ông Đ và ông B1 theo lời khai các đương sự, không thu thập giấy chứng tử hoặc giấy xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là không hợp lệ, chưa bảo đảm tính chính xác.

[2] Về thu thập và đánh giá chứng cứ:

- Khi đo đạc đất tranh chấp, Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu cơ quan chuyên môn lồng ghép sơ đồ hiện trạng sử dụng đất tranh chấp vào bản đồ địa chính để xác định đất tranh chấp thuộc thửa nào, tờ bản đồ nào, có ai kê khai đăng ký không, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa, ai đứng tên để xác định người có quyền sử dụng hợp pháp đối với đất tranh chấp.

- Công văn số: 258/VPĐKĐĐ-CNTC ngày 23 tháng 6 năm 2016, của Văn phòng Đăng ký đất đai, chi nhánh huyện Tân Châu (bút lục 238) trả lời theo yêu cầu của Tòa án, đề nghị Tòa án liên hệ với chủ sử dụng đất, kết hợp Văn phòng Đăng ký đất đai, chi nhánh huyện Tân Châu kiểm tra thực địa để xác định đất tranh chấp thuộc thửa nào, tờ bản đồ nào, có ai kê khai đăng ký chưa nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện việc này.

- Đất ông D được điều chỉnh cắt giảm vào năm 2011, lý do cắt giảm đã thể hiện trong hồ sơ do Văn phòng Đăng ký đất đai, chi nhánh huyện Tân Châu cung cấp nhưng sau khi cắt giảm, chiều ngang đất ông D còn lại bao nhiêu, số đo tứ cận

thế nào so với diện tích thực tế ông D đang sử dụng, Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ.

- Ông T khai bà C và ông Đ mua một phần đất ruộng của ông Triệu ngang 8 m, dài vào đến đất bà C để làm lối đi từ năm 1980, phù hợp với lời khai của người có đất giáp ranh, người ông Đ thuê đào mương đắp đường và những người dân sống lâu năm gần đất tranh chấp nhưng qua đo đạc thực tế thì cả lối đi và mương có chiều ngang chưa đủ 8 m, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét vấn đề này.

- Trong hồ sơ có nhiều trích lục bản đồ nhưng không có xác nhận của cơ quan trích lục, có bản đồ thì thể hiện có lối đi, có bản đồ không thể hiện. Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ lối đi có được thể hiện trong bản đồ địa chính hay không, từ khi nào, trước hay sau khi ông D nhận chuyển nhượng đất, nếu có thì chiều ngang theo bản đồ là bao nhiêu để xác định gia đình bà C có sử dụng ngoài phạm vi lối đi và lấn sang đất của ông D hay không mà chỉ căn cứ vào trích đo bản đồ thửa đất của ông D vào năm 2015 để xác định đất ông D thiếu 1,6 m chiều ngang và khẳng định là do gia đình bà C lấn chiếm.

- Ông T khai, kể từ khi ông D nhận chuyển nhượng đất của ông Hoanh (năm 2002) hai bên đã thỏa thuận làm hàng rào ranh giới, đến nay hàng rào vẫn còn; ngược lại ông D khai bị gia đình bà C cắm trụ rào lấn chiếm đất từ năm 2007, vấn đề này chưa được xác minh làm rõ.

- Ông D cho rằng đất tranh chấp là của ông nên đã được Nhà nước bồi thường phần quy hoạch mở rộng đường 785, dưới mặt đất hướng giáp đường 785, ông đã đặt cống thoát nước từ trước. Trong hồ sơ có danh sách những người nhận tiền bồi thường, trong đó có ông D. Tại phiên tòa phúc thẩm ông T, ông B cũng thừa nhận trong đất tranh chấp có một đoạn cống thoát nước do ông D đặt, có đổ bê-tông trên mặt đất nhưng khi thẩm định Tòa án cấp sơ thẩm không thẩm định phần cống và cũng không làm rõ 02 vấn đề này.

Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, đánh giá chứng cứ chưa toàn diện, chưa khách quan và thiếu chính xác, vi phạm Điều 108 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không bảo đảm được quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

[3] Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tạm ngừng phiên tòa để đo đạc, thẩm định lại đất tranh chấp, lồng ghép vào bản đồ địa chính, thu thập thêm các tài liệu, chứng cứ để có căn cứ xét xử vụ án nhưng các bên đương sự không hợp tác; từ chối tham gia đo đạc, thẩm định; không nộp tạm ứng chi phí đo đạc, thẩm định nên những sai sót trong việc thu thập, đánh giá chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm không thể khắc phục được ở giai đoạn xét xử phúc thẩm.

[4] Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, cần phải hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo quy định pháp luật.

[5] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị hủy bản án sơ thẩm do điều tra thu thập chứng cứ chưa đầy đủ là có căn cứ.

[6] Do hủy bản án sơ thẩm nên không xét kháng cáo của ông D, bà C, ông T, ông B, bà D, bà L, ông H, ông K, ông C.

[7] Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn có những sai sót sau đây cần phải rút kinh nghiệm: Sau khi bản án sơ thẩm lần thứ nhất bị hủy, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý lại vụ án vào ngày 07-12-2009, đến ngày 09-7-2010 tạm đình chỉ giải quyết vụ án là vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2005; lý do tạm đình chỉ do nguyên đơn yêu cầu không thuộc trường hợp tạm đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2005; ông D yêu cầu tạm đình chỉ vì bị bệnh nhưng hồ sơ không thể hiện tài liệu, chứng cứ chứng minh. Sau khi ra quyết định tạm đình chỉ, Tòa án không tống đạt cho các đương sự, làm mất quyền kháng cáo của họ là vi phạm khoản 2 Điều 245 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2005.

[8] Về án phí: Do hủy bản án sơ thẩm nên ông D, bà C, ông T, ông B, bà D, bà L, ông H, ông K, ông C không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 30 của Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Hủy Bản án Dân sự sơ thẩm số: 90/2016/DS-ST ngày 03 tháng 10 năm 2016, của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

2. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

3. Do hủy bản án sơ thẩm nên không xét kháng cáo của ông Trần Hữu D, bà Đào Thị C, ông Trần Quốc T, ông Trần Quốc B, bà Trần Ngọc D, bà Trần Ngọc L, ông Trần Quốc H, ông Trần Quốc K, ông Trần Quốc C.

4. Ông Trần Hữu D, bà Đào Thị C, ông Trần Quốc T, ông Trần Quốc B, bà Trần Ngọc D, bà Trần Ngọc L, ông Trần Quốc H, ông Trần Quốc K, ông Trần Quốc C không phải chịu án phí phúc thẩm.

4.1. Hoàn trả cho ông Trần Hữu D 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0023725 ngày 30 tháng 11 năm 2016, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

4.2. Hoàn trả cho bà Đào Thị C, ông Trần Quốc T, ông Trần Quốc B, bà Trần Ngọc D, bà Trần Ngọc L, ông Trần Quốc H, ông Trần Quốc K, ông Trần Quốc C mỗi người 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các Biên lai thu số: 0023566, 0023567, 0023568, 0023569, 0023570, 0023571, 0023572, 0023573, cùng ngày 14 tháng 10 năm 2016, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND h. Tân Châu;
- CCTHADS h. Tân Châu;
- Phòng KTNV&THA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Thị Đồng